

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH NĂM 2022

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14/11/2022 (sau đây viết tắt là Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 11/2022/L-CTN ngày 25/11/2022; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2023 và thay thế Luật Phòng, chống bạo lực gia đình được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH NĂM 2022¹

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 (viết tắt là Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007). Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 được ban hành đã thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc giải quyết vấn nạn bạo lực gia đình, hướng tới xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, bình đẳng, hạnh phúc cũng như sự nghiêm túc, chủ động của Việt Nam trong việc thực hiện các điều ước và cam kết quốc tế đã tham gia.

Sau gần 15 năm thực hiện, Luật đã tạo chuyển biến tích cực về nhận thức trong phòng, chống bạo lực gia đình, góp phần bảo vệ người bị bạo lực gia đình, xử lý các hành vi bạo lực gia đình, vi phạm pháp luật trong phòng, chống bạo lực gia đình, nâng cao bình đẳng giới trong gia đình. Các cấp ủy, tổ chức Đảng và lãnh đạo chính quyền các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các giải pháp phòng, chống bạo lực gia đình. Nhiều địa phương tổ chức triển khai các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình sáng tạo, năng động, phát huy hiệu quả tốt cũng như huy động nguồn lực xã hội tham gia công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, bạo lực gia đình vẫn còn là một vấn đề nhức nhối, nan giải ở Việt Nam. Nhiều vụ việc xuất hiện những hành vi bạo lực gia đình có mức độ gây hại nghiêm trọng, diễn biến phức tạp, tinh vi, khó lường và khó xử lý bằng các quy định pháp luật hiện hành. Dữ liệu thống kê, nghiên cứu về bạo lực gia đình do các cơ quan, tổ chức thực hiện cho thấy những bức tranh hết sức phức tạp, thậm chí còn mâu thuẫn với nhau. Theo

¹ Tờ trình số 100/TTr-CP ngày 28/3/2022 của Chính phủ về dự án Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi).

số liệu thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp từ báo cáo của các tỉnh thành, trong giai đoạn 2009 - 2021, tổng số vụ bạo lực gia đình các địa phương đã phát hiện trên cả nước là 324.641 vụ. Trong giai đoạn này, số vụ bạo lực gia đình giảm dần qua các năm: năm 2009 là 53.206 vụ, giảm xuống còn 19.274 vụ trong năm 2015 và 4.967 vụ trong năm 2021. Trong khi đó, Điều tra quốc gia bạo lực với phụ nữ được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê, Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam thực hiện năm 2019, công bố năm 2020 cho thấy, năm 2019, có 31,6% phụ nữ phải chịu ít nhất một hình thức bạo lực trong 12 tháng (kể từ lúc điều tra), cứ 3 phụ nữ thì có gần 1 người (32%) bị chồng bạo lực thể xác/hoặc bạo lực tình dục. Đáng chú ý có 90,4% phụ nữ bị chồng bạo lực thể xác và/hoặc tình dục không tìm kiếm sự giúp đỡ, chỉ có 4,8% tìm kiếm sự giúp đỡ của công an. Kết quả điều tra này cho thấy năm 2019, bạo lực gia đình với phụ nữ gây thiệt hại 1,8% GDP (tăng 0,2% so với năm 2012). So với số liệu của cuộc Điều tra được thực hiện năm 2009 thì số vụ bạo lực gia đình ở Việt Nam còn tăng lên².

Nghiên cứu về bạo lực gia đình do Viện Nghiên cứu gia đình và Giới thực hiện năm 2019 chỉ ra rằng 69% trẻ em cho biết đã từng bị bố mẹ xử phạt bằng bất kỳ hình thức nào như đánh, đấm, đập, tát... và 31,6% cha mẹ thừa nhận họ đã xử phạt con bằng hình thức bạo lực. Đáng chú ý, trẻ em cũng là nhóm xã hội có nguy cơ cao bị xâm hại tình dục trong gia đình, theo đó trong số trẻ bị xâm hại tình dục có tới 21,3% bị chính người thân trong gia đình xâm hại. Cũng theo nghiên cứu này, bạo lực gia đình với người cao tuổi diễn ra khá phổ biến ở nhiều địa phương. Các hành vi bạo lực với người cao tuổi như “bỏ mặc không quan tâm về tình cảm” chiếm 10,2%, “không quan tâm, chăm sóc ăn uống, thuốc men” chiếm 8,5% bên cạnh các hành vi khác như bị ép buộc lao động, bị tranh giành tài sản thừa kế, bị đập phá tài sản, tịch thu tiền, bị coi thường, sỉ nhục, quát mắng, dọa nạt³.

Bạo lực gia đình cũng được xem là một trong những tác nhân chính làm tan vỡ hôn nhân, hạnh phúc gia đình. Từ ngày 01/7/2008 đến ngày 31/7/2018, Tòa án nhân dân các cấp đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm 1.422.067 vụ án ly hôn, giải quyết 1.384.660 vụ, đạt tỷ lệ 97,4%, còn lại 37.407 vụ đang trong quá trình giải quyết. Trong số 1.384.660 vụ án ly hôn Tòa án đã giải quyết, có 1.060.767 vụ xuất phát từ nguyên nhân bạo lực gia đình như: bị đánh đập, ngược đãi; vợ hoặc chồng nghiện ma túy, rượu chè, cờ bạc; ngoại tình (chiếm 76,6% các vụ án ly hôn). Báo cáo của ngành Tư pháp cho thấy chỉ riêng năm 2014 tiếp nhận hòa giải 31.528 vụ việc bạo lực gia đình, năm 2015 là 33.966 vụ.

² Nguồn: Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê và Quỹ dân số Liên hợp quốc phối hợp thực hiện.

³ Xem thêm kết quả Nghiên cứu Bạo lực gia đình ở Việt Nam: Thực trạng và các yếu tố tác động do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới (Viện HLKHXH Việt Nam) thực hiện (xuất bản sách chuyên khảo năm 2020).

Vấn nạn bạo lực gia đình có xu hướng trầm trọng hơn, đa dạng hơn, phức tạp hơn đã và đang để lại những hậu quả thương tâm, đau xót cho nhiều gia đình, tạo ra những thiệt hại to lớn cho toàn xã hội. Nếu không được giải quyết kịp thời, bạo lực gia đình sẽ đe dọa đến sự phát triển bền vững của gia đình, làm xói mòn các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc, làm suy yếu động lực phát triển và là rào cản đối với tiến trình phát triển bền vững của đất nước.

Một trong những nguyên nhân cơ bản của tình trạng nêu trên là do các quy định, chính sách trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình hiện hành còn tồn tại nhiều bất cập, không phù hợp với thực tiễn phát triển của xã hội Việt Nam giai đoạn hiện nay. Quá trình thi hành Luật cũng xuất hiện nhiều hạn chế, đặc biệt là vấn đề trách nhiệm và công tác phối hợp liên ngành trong phòng, chống bạo lực gia đình. Điều này một phần xuất phát từ công tác tổ chức, triển khai thực hiện của các địa phương, song cũng do Luật hiện hành còn thiếu các nội dung, chính sách, quy định phù hợp. Bên cạnh đó, nhiều chủ trương, chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước được ban hành trong thời gian qua cũng cần phải được cụ thể hóa trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Từ những lý do nêu trên cho thấy Luật Phòng, chống bạo lực gia đình hiện hành cần được sửa đổi, bổ sung. Cụ thể như sau:

1. Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước

Nghị quyết Đại hội Đảng XII quy định "*Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*". Xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh trong hệ thống chính trị, trong mỗi địa phương, trong từng cộng đồng, làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu công nghiệp và mỗi gia đình, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc.

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc khóa XIII cũng đề ra các quan điểm, chủ trương, giải pháp cụ thể cho việc *thực hiện các biện pháp phát triển gia đình hạnh phúc, bền vững và thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình toàn diện, khả thi, có hiệu quả*.

Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, tiếp tục xác định *gia đình là yếu tố quyết định trong tiến trình xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện. Gia đình là môi trường đầu tiên và quan trọng nhất để hình thành, nuôi dưỡng nhân cách, giáo dục đạo đức, lối sống văn minh và trao truyền các giá trị văn hóa tốt đẹp*.

Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới đã chỉ ra một trong những thách thức hiện nay là “*chưa xử lý triệt để tình trạng bạo lực gia đình, buôn bán phụ nữ, xâm hại tình dục, sử dụng lao động trẻ em; ...*”.

Hiến pháp năm 2013 đã có nhiều quy định quan trọng về xây dựng và phát triển gia đình như: “*Nhà nước, xã hội tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng con người Việt Nam có sức khỏe, văn hóa, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân*”. Cụ thể hóa Hiến pháp, Quốc hội đã ban hành các văn bản luật để bảo vệ quyền và lợi ích của công dân như: Bộ luật Hình sự (2015), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Dân sự (2015), Bộ luật Lao động (2019); Luật Hôn nhân và Gia đình (2014); Luật Trẻ em (2016); Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia (2019); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính (2020); Luật Phòng, chống ma túy (2021) và một số luật khác có liên quan.

2. Giải quyết những bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình

a) Về công tác phòng ngừa, ngăn chặn, hỗ trợ, bảo vệ trong phòng, chống bạo lực gia đình

- Những bất cập của thuật ngữ, khái niệm

+ Trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình hiện hành, một số khái niệm chưa được làm rõ, dẫn đến những cách hiểu khác nhau trong quá trình tổ chức thực hiện. Ví dụ, Luật hiện hành quy định “*Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình*”. Định nghĩa này chưa đề cập rõ vấn đề bạo lực tình dục. Hành vi bạo lực tình dục đã diễn ra ở nhiều khu vực, xuất hiện trong các tầng lớp xã hội tại Việt Nam trong nhiều năm qua⁴. Luật về phòng, chống bạo lực gia đình của nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay đều xác định bạo lực tình dục là một trong các dạng thức của bạo lực gia đình. Xã hội Việt Nam hiện nay đã xuất hiện một số dạng thức bạo lực gia đình mới mà Luật hiện hành chưa xác định, đề cập. Việc nhận diện chưa đầy đủ về hành vi bạo lực gia đình khiến nhận thức về bạo lực gia đình ở các cấp, các ngành và người dân khác nhau. Từ đó dẫn đến những bất cập trong việc triển khai các biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình và thu thập thông tin về bạo lực gia đình.

⁴ Kết quả Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 cho thấy 13,3% phụ nữ ở Việt Nam đã từng bị chồng/bạn tình bạo lực tình dục trong đời và 5,7% phụ nữ cho biết bạo lực này trong 12 tháng qua.

+ Bên cạnh đó, Luật hiện hành không có điều khoản riêng quy định về giải thích từ ngữ, do đó còn thiếu một số khái niệm quan trọng, một số khái niệm chưa được giải thích rõ như: *bạo lực trên cơ sở giới, cảm tiếp xúc, phát tán thông tin đời tư về người bị bạo lực gia đình*⁵, *người có nguy cơ cao gây bạo lực gia đình*. Trong khi đó đa số các Luật của Việt Nam hiện nay đều có điều khoản riêng quy định về giải thích từ ngữ trong luật⁶.

- Những bất cập của các quy định về phòng ngừa bạo lực gia đình

+ Luật hiện hành xác định rõ nguyên tắc lấy phòng để chống nhưng biện pháp phòng ngừa trong Luật hiện hành chưa chủ động, không bảo đảm tính liên tục. Việc phòng, chống bạo lực gia đình cần thực hiện trước khi xảy ra, khi đang xảy ra và khi kết thúc. Việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn hiệu quả không chỉ dừng hành vi bạo lực tức thời mà còn ngăn việc hành vi bạo lực gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Với vụ việc bạo lực gia đình đã kết thúc, ngoài xử lý hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật thì cũng cần có những biện pháp hỗ trợ để giúp người có hành vi bạo lực gia đình chuyển đổi hành vi bạo lực, nói cách khác là phòng ngừa vòng xoáy bạo lực gia đình tái diễn. Nhưng những quy định về phòng ngừa trong Luật hiện hành chưa thể hiện được điều này.

+ Bạo lực gia đình có nguyên nhân sâu xa từ bất bình đẳng giới trong gia đình. Các yếu tố lạm dụng rượu, bia và xử lý hành vi vi phạm không nghiêm minh là những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến các vụ bạo lực gia đình ngày càng gia tăng về số lượng, mức độ nghiêm trọng hơn và nhiều vụ việc không được xử lý thích đáng, hoặc bị lãng quên, bỏ mặc đằng sau cánh cửa gia đình. Việc hỗ trợ, giúp đỡ người có hành vi bạo lực gia đình sau khi bị xử lý theo quy định của pháp luật để họ không tái diễn cũng là một biện pháp phòng ngừa bền vững song chưa được quy định trong Luật hiện hành.

- Những bất cập của các quy định về hòa giải

+ Hòa giải là biện pháp phòng ngừa bạo lực gia đình và phòng ngừa tái diễn bạo lực gia đình, không thay thế các biện pháp xử lý vụ việc bạo lực gia đình. Trong 15 năm thực hiện Luật cho thấy công tác hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình cũng chưa phát huy được hiệu quả. Khi nào thì phải xử lý một tình huống bằng hòa giải và khi nào thì cần các biện pháp khác chưa được quy định rõ trong Luật. Trong thực tiễn, việc hòa giải đôi khi còn dẫn đến tình trạng “bạo lực kép” do người thực hiện hòa giải thiếu những kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình, về giới và về quyền con người. Việc

⁵ Ví dụ Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá 2012, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 đều có Điều 2 Giải thích từ ngữ; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vấn đề này được quy định ở Điều 3.

⁶ Ví dụ Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá 2012, Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 đều có Điều 2 Giải thích từ ngữ; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vấn đề này được quy định ở Điều 3.

hòa giải được coi như biện pháp xử lý vụ việc bạo lực gia đình đã dẫn đến tình trạng bạo lực gia đình kéo dài năm này qua năm khác. Luật cũng thiếu các quy định về tiêu chí (trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức) của hòa giải viên, tổ hòa giải...

- Những bất cập của các quy định về bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình

+ Các thủ tục hành chính và điều kiện để xử lý vụ việc bạo lực gia đình trong Luật hiện hành còn khá phức tạp. Nhiều nạn nhân bạo lực gia đình ngại tiếp xúc với chính quyền vì không biết phải trình bày thế nào và bị người gây bạo lực đe dọa nếu viết đơn hoặc tố cáo.

+ Luật hiện hành quy định khi áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc thì phải có đơn đề nghị. Việc quy định viết đơn trong áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc là thủ tục hành chính không cần thiết gây khó khăn cho chính người bị bạo lực cũng như các cơ quan chức năng.

+ Luật hiện hành không quy định rõ ai là người phải ra khỏi nhà khi xảy ra bạo lực gia đình, trong khi đó, hầu hết các vụ bạo lực gia đình, người phải ra khỏi nhà lại là người bị bạo lực.

+ Luật cũng thiếu các quy định cụ thể về việc cứu người trong trường hợp cấp thiết, đặc biệt với các nạn nhân là trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ cũng như các nhóm dễ bị tổn thương, yếu thế khác.

+ Luật hiện hành quy định các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ được áp dụng kịp thời để bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình, chấm dứt hành vi bạo lực gia đình, giảm thiểu hậu quả do hành vi bạo lực gây ra. Tuy nhiên, các biện pháp này thiếu khả thi trong thực tiễn, đặc biệt là các biện pháp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 19. Nhiều ý kiến cho rằng cần có quy định cụ thể về việc *yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an cấp xã nơi xảy ra vụ việc bạo lực gia đình hoặc cử công an viên đến nhà để làm việc với người gây bạo lực gia đình*. Nội dung này vừa giúp ngăn chặn vụ việc bạo lực gia đình, bảo vệ người bị bạo lực gia đình, vừa có tính răn đe, giáo dục người gây bạo lực gia đình và nâng cao nhận thức, thái độ của cộng đồng.

+ Việc phát hiện, báo tin về bạo lực gia đình quy định tại Điều 18 Luật hiện hành cũng chưa làm rõ nội dung về trách nhiệm xác minh, xử lý tin báo về vụ việc bạo lực gia đình. Thực tiễn cho thấy đây là một bước rất quan trọng, ảnh hưởng tới tính kịp thời và hiệu quả của việc ngăn chặn, xử lý vụ việc bạo lực gia đình.

+ Luật hiện hành chưa có các quy định cụ thể để bảo vệ và hỗ trợ các nhóm tham gia công tác phòng, chống bạo lực gia đình (đặc biệt là người trực tiếp ngăn chặn, xử lý vụ việc bạo lực gia đình).

- Những bất cập của các quy định về xử lý hành vi bạo lực gia đình và vi phạm pháp luật trong phòng, chống bạo lực gia đình

+ Chương V của Luật hiện hành quy định về xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực và khiêu nại, tố cáo. Chương này thiếu những quy định để xử lý trường hợp hành vi bạo lực gia đình chưa đến mức bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Biện pháp phạt tiền trong xử phạt hành chính đối với người có hành vi bạo lực gia đình chưa phát huy hiệu quả. Nhiều trường hợp, người bị bạo lực gia đình là người đứng ra nộp phạt và số tiền nộp phạt lấy từ tài sản chung của gia đình. Điều này khiến cho người bị bạo lực gia đình không muốn tố cáo hành vi bạo lực gia đình trong lần tiếp theo và cũng không giúp cho việc răn đe, giáo dục đối với người gây bạo lực. Vì vậy, ngoài phạt tiền thì cần có các biện pháp mang tính bền vững hơn như giáo dục kiểm soát hành vi, nâng cao nhận thức, hiểu biết về pháp luật, hỗ trợ người gây bạo lực tham gia các khóa học về kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực, chủ động cai nghiện rượu, bia, cờ bạc, nghiện game bạo lực, ma túy, các chất gây nghiện để hạn chế bạo lực gia đình. Tuy nhiên, Luật hiện hành chưa có quy định về vấn đề này.

+ Luật hiện hành cũng chưa có quy định về việc hỗ trợ, động viên, giúp đỡ người có hành vi bạo lực gia đình sau khi bị xử lý theo quy định của pháp luật để họ không tái diễn hành vi bạo lực gia đình.

+ Luật hiện hành chưa quy định rõ về thẩm quyền và trách nhiệm của công an cấp xã trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, xác minh và xử lý hành vi bạo lực gia đình.

b) Về công tác phối hợp liên ngành và điều kiện đảm bảo để thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình

- Công tác phòng, chống bạo lực gia đình có liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức. Luật hiện hành cũng dành 12 điều để quy định trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình. Tuy nhiên, sự liên kết giữa các cơ quan, tổ chức chưa được đề cập dẫn đến công tác phòng, chống bạo lực gia đình còn thiếu đồng bộ. Hiện nay, tại cấp tỉnh, huyện, xã có ban chỉ đạo công tác gia đình, trong đó có thực hiện việc phòng, chống bạo lực gia đình nhưng ở trung ương lại chưa có ban chỉ đạo, khiến các địa phương thiếu sự hướng dẫn, chỉ đạo theo ngành dọc từ trung ương. Luật hiện hành cũng chưa quy định rõ vai trò điều phối về phòng, chống bạo lực gia đình của cơ quan quản lý nhà nước.

- Điều kiện bảo đảm là vấn đề then chốt quyết định đến việc triển khai và thi hành pháp luật. Điều 6 của Luật hiện hành còn quy định khá chung chung về kinh phí cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình. Kinh phí dành cho

các cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình hiện nay được bố trí lồng ghép, nhiều địa phương không có mục chi về phòng, chống bạo lực gia đình. Do đó, nhiều nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình không thực hiện được. Hiện nay, kinh phí chi cho công tác gia đình trong đó có nội dung phòng, chống bạo lực gia đình chỉ chiếm khoảng 0,5% tổng kinh phí chi cho ngành văn hóa, thể thao và du lịch.

- Luật hiện hành chưa quy định cụ thể về trách nhiệm cũng như biện pháp xử lý đối với người đứng đầu trong phòng, chống bạo lực gia đình. Thực tế cho thấy lực lượng tham gia phòng, chống bạo lực gia đình cần phải thiết lập ở cộng đồng dân cư để nâng cao tính chủ động, phòng ngừa. Luật chưa có giải pháp cụ thể về mô hình phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng.

c) Về công tác xã hội hoá trong phòng, chống bạo lực gia đình

- Khoản 5 Điều 6 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định “*Người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình mà có thành tích thì được khen thưởng, nếu bị thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật*”. Tuy nhiên quy định này rất khó thực hiện do việc khen thưởng đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước được thực hiện trong bình xét thi đua công tác năm. Những tập thể, cá nhân khác tham gia phòng, chống bạo lực gia đình chỉ được khen thưởng vào những dịp tổng kết chương trình, đề án, dự án nhưng số lượng khen thưởng cũng hạn chế.

- Bên cạnh việc biểu dương, khen thưởng thì việc hỗ trợ cho người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình bị tổn hại về sức khỏe, thiệt hại về tài sản cũng chưa được thực hiện. Thời gian qua, một số trường hợp khi chứng kiến hành vi bạo lực gia đình đã can ngăn và bị người có hành vi bạo lực gia đình gây thương tích, thậm chí có trường hợp bị tử vong nhưng việc áp dụng chính sách để hỗ trợ cho những trường hợp này gặp khó khăn.

- Trong những năm qua, đã có một số cá nhân, tổ chức xã hội tham gia đóng góp tích cực cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng. Việc khuyến khích sự tham gia của cá nhân, tổ chức này sẽ bổ sung nguồn lực rất lớn cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình nhưng Luật hiện hành chưa có quy định khuyến khích, hỗ trợ để sự tham gia này có hệ thống và bền vững.

3. Bảo đảm phù hợp với các Điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia và bài học kinh nghiệm quốc tế

Việt Nam đã tham gia các cam kết quốc tế trong nhiều lĩnh vực, trong đó có quyền con người, vấn đề bạo lực gia đình. Đáng chú ý là Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) và các khuyến nghị của Ủy ban các Công ước Nhân quyền. Công ước CEDAW có hiệu lực ở Việt Nam từ ngày

19/3/1982. Ngay sau khi tham gia các cam kết quốc tế liên quan đến bạo lực gia đình, Việt Nam đã có những bước đi quan trọng để cụ thể hóa về mặt pháp lý như ban hành Luật Bình đẳng giới (2006), Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, Luật Hôn nhân và Gia đình (2014).

Ở khu vực ASEAN, Việt Nam là quốc gia chủ động đưa ra nhiều sáng kiến và tham gia các tuyên bố chung liên quan đến bình đẳng giới, xóa bỏ bạo lực giới và bạo lực gia đình. Tương tự như nhiều quốc gia khác, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình của Việt Nam dựa trên tiếp cận đa ngành và toàn diện nhằm giải quyết bạo lực gia đình.

Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới khi giải quyết vấn đề bạo lực gia đình như: *tại Úc* khi áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc thì người có hành vi bạo lực gia đình là người phải ra khỏi nhà trong trường hợp người bị bạo lực gia đình lựa chọn chỗ ở là chính ngôi nhà của họ. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình của nước ta hiện nay chưa quy định rõ điều này dẫn đến quá trình thực thi luật, người phải ra khỏi nhà lại chính là người bị bạo lực gia đình. Việc áp dụng biện pháp mạnh để ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình cũng được *New Zealand* thực hiện. Theo đó, quốc gia này trao cho cảnh sát quyền được ban hành lệnh an toàn nếu thấy cần thiết để bảo vệ người bị bạo lực gia đình. Trong trường hợp vì sự an toàn cho người bị bạo lực gia đình, cảnh sát có thể ban hành lệnh an toàn mà không cần sự đồng ý của người bị bạo lực gia đình. Mặt khác, cảnh sát *New Zealand* có thể tạm giữ người có hành vi bạo lực gia đình không quá 2 giờ để phục vụ xác minh, điều tra sự việc nếu người có hành vi bạo lực không tuân thủ thì có thể bị cảnh sát bắt mà không cần đến quyết định của cơ quan có thẩm quyền. *Tại Hàn Quốc*, sau khi cơ quan có thẩm quyền nhận được tin báo, tố giác về hành vi bạo lực, cán bộ điều tra sẽ lập tức đến hiện trường vụ việc bạo lực gia đình. Trong quá trình điều tra, xác minh vụ việc cán bộ điều tra có trách nhiệm thực hiện các biện pháp cần thiết, bao gồm tách người bị bạo lực gia đình, người cung cấp tin báo, tố giác, nhân chứng, v.v. khỏi đối tượng có hành vi bạo lực vì mục đích điều tra để họ có thể thoải mái cung cấp lời khai. Luật của *Hàn Quốc* cũng quy định không ai được phép từ chối hợp tác với cán bộ điều tra được phái cử đến hiện trường vụ bạo lực gia đình hoặc can thiệp vào các hoạt động của cán bộ điều tra này mà không có lý do chính đáng. *Tại Anh*, cảnh sát cấp cao đưa ra thông báo cảnh cáo người có hành vi bạo lực gia đình để làm cơ sở cho xử lý nếu tái phạm hành vi bạo lực. Theo đó, người có hành vi bạo lực gia đình sau khi đã nhận được thông báo của cảnh sát nếu tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình thì sẽ bị bắt giữ mà không cần có lệnh bắt. *Tại Malaysia*, nhân viên phúc lợi xã hội ban hành lệnh bảo vệ khẩn cấp sẽ gửi một bản sao của lệnh cho sĩ quan cảnh sát quận, huyện nơi người có hành vi bạo lực gia đình cư trú

hoặc bất kỳ cảnh sát nào khác dưới quyền chỉ huy của người đó. Cảnh sát có trách nhiệm thi hành ngay quyết định này.

Tại Thụy Điển, Chính phủ coi bạo lực gia đình là trở ngại cấp bách nhất đối với bình đẳng giới. Việc đẩy mạnh công tác phòng, chống bạo lực gia đình được coi là một trong những giải pháp thực hiện bình đẳng giới. Thụy Điển đã phát triển mạng lưới hỗ trợ người bị bạo lực gia đình thông qua địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, thực hiện giáo dục người có hành vi bạo lực gia đình hay sử dụng hình ảnh của người nổi tiếng, hoạt động thể thao để tuyên truyền vận động cho phòng, chống bạo lực gia đình.

Từ các nội dung nêu trên, việc ban hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi) là rất cần thiết nhằm hiện thực hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, đồng thời tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH NĂM 2022

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 gồm 06 chương, 56 điều, cụ thể:

1. Chương 1: Những quy định chung: Gồm 12 điều (*từ Điều 1 đến Điều 12*), quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Giải thích từ ngữ; (3) Hành vi bạo lực gia đình; (4) Nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình; (5) Các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống bạo lực gia đình; (6) Chính sách của Nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình; (7) Thắt chặt hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình; (8) Hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình; (9) Quyền và trách nhiệm của người bị bạo lực gia đình; (10) Trách nhiệm của người có hành vi bạo lực gia đình; (11) Trách nhiệm của thành viên gia đình trong phòng, chống bạo lực gia đình; (12) Quyền và trách nhiệm của cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Chương 2: Phòng ngừa bạo lực gia đình: Gồm 06 điều (*từ Điều 13 đến Điều 18*), quy định về: (1) Mục đích, yêu cầu trong thông tin, truyền thông, giáo dục; (2) Nội dung thông tin, truyền thông, giáo dục; (3) Hình thức thông tin, truyền thông, giáo dục; (4) Tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; (5) Hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình; (6) Chủ thể tiến hành hòa giải

3. Chương 3: Bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống bạo lực gia đình: Gồm 04 mục, 23 điều (*từ Điều 18 đến Điều 41*), cụ thể:

- **Mục 1: Báo tin và xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình:** Gồm 03 điều, quy định về: (1) Báo tin, tố giác về hành vi bạo lực gia đình; (2)

Xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình; (3) Sử dụng âm thanh, hình ảnh về hành vi bạo lực gia đình.

- **Mục 2: Ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình; bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình, người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình:** Gồm 13 điều, quy định về: (1) Biện pháp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình và bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình; (2) Buộc chấm dứt hành vi bạo lực gia đình; (3) Yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; (4) Cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; (5) Cấm tiếp xúc theo quyết định của Tòa án; (6) Giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc; (7) Bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu; (8) Chăm sóc, điều trị người bị bạo lực gia đình; (9) Trợ giúp pháp lý và tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với bạo lực gia đình; (10) Giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình; (11) Góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư; (12) Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng; (13) Bảo vệ người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình và người báo tin, tố giác về bạo lực gia đình.

- **Mục 3: Cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình:** Gồm 06 điều, quy định về: (1) Cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; (2) Địa chỉ tin cậy; (3) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; (4) Cơ sở trợ giúp xã hội, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý; (5) Cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; (6) Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

- **Mục 4: Xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình:** Gồm 01 điều, quy định về xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Chương 4: Điều kiện bảo đảm phòng, chống bạo lực gia đình: Gồm 04 điều (từ Điều 42 đến Điều 45), quy định về: (1) Kinh phí phòng, chống bạo lực gia đình; (2) Cơ sở dữ liệu về phòng, chống bạo lực gia đình; (3) Phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình; (4) Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tham gia phòng, chống bạo lực gia đình.

5. Chương 5: Quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về phòng, chống bạo lực gia đình: Gồm 09 điều (từ Điều 46 đến Điều 54), quy định về: (1) Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình; (2) Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình; (3) Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (4) Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; (5) Trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp; (6) Trách nhiệm của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp; (7) Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên; (8) Trách nhiệm của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

(9) Trách nhiệm của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế.

6. Chương 6. Điều khoản thi hành: Gồm 02 điều (*từ Điều 55 đến Điều 56*), quy định về: (1) Sửa đổi, bổ sung Điều 135 của Bộ luật Tố tụng dân sự; (2) Hiệu lực thi hành.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH NĂM 2022

1. Những quy định chung

1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 (Luật năm 2022) quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống bạo lực gia đình; điều kiện bảo đảm phòng, chống bạo lực gia đình; quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình.

So với Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 (Luật năm 2007), Luật năm 2022 đã bổ sung điều chỉnh về *"ngăn chặn bạo lực gia đình; điều kiện bảo đảm phòng, chống bạo lực gia đình"*.

1.2. Khái niệm Bạo lực gia đình (Điều 2)

Khoản 1 Điều 2 Luật năm 2022 quy định *"Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình"*.

So với Luật năm 2007, Luật năm 2022 đã bổ sung tổn hại về *"tình dục"* vào khái niệm (Luật năm 2007 quy định *"Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình"*)

1.3. Hành vi bạo lực gia đình (Khoản 1 Điều 3)

Luật năm 2022 quy định 16 nhóm hành vi bạo lực gia đình, gồm:

(1) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;

(2) Lãng mạ, chì chiết hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

(3) Cưỡng ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý;

(4) Bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc thành viên gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc; không giáo dục thành viên gia đình là trẻ em;

(5) Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình;

(6) Ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý;

(7) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;

(8) Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

(9) Cường ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng;

(10) Cường ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cường ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực;

(11) Cường ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;

(12) Cường ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;

(13) Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình;

(14) Cường ép thành viên gia đình học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát tài sản, thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác;

(15) Cô lập, giam cầm thành viên gia đình;

(16) Cường ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật.

So với Luật năm 2007, Luật năm 2022 đã bổ sung **08** hành vi bạo lực gia đình, gồm: (1) Cường ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý; (2) Bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc thành viên gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc; không giáo dục thành viên gia đình là trẻ em; (3) Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình; (4) Ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý; (5) Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm; (6) Cường ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cường ép nghe âm thanh,

xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực; (7) Cường ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi; (8) Cô lập, giam cầm thành viên gia đình.

1.4. Đối tượng bạo lực gia đình (Khoản 2 Điều 3)

Luật năm 2022 quy định, hành vi bạo lực gia đình được thực hiện giữa người đã ly hôn; người chung sống như vợ chồng; người là cha, mẹ, con riêng, anh, chị, em của người đã ly hôn, của người chung sống như vợ chồng; người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi với nhau cũng được xác định là hành vi bạo lực gia đình theo quy định của Chính phủ.

Như vậy, so với Luật năm 2007, ngoài đối tượng là thành viên gia đình của vợ, chồng đã ly hôn hoặc nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng, Luật năm 2022 đã mở rộng đối tượng bạo lực gia đình là cha, mẹ, con riêng, anh, chị, em của người đã ly hôn, của người chung sống như vợ chồng; người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi với nhau.

1.5. Nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 4)

Luật năm 2022 quy định 07 nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình, gồm:

(1) Phòng ngừa là chính, lấy người bị bạo lực gia đình là trung tâm.

(2) Tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có liên quan; bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em; ưu tiên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị bạo lực gia đình là phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc; thực hiện bình đẳng giới.

(3) Chú trọng hoạt động tuyên truyền, giáo dục, tư vấn, hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình.

(4) Hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình phải được kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Trường hợp người bị bạo lực gia đình là trẻ em thì trong quá trình xử lý phải có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc người được giao làm công tác bảo vệ trẻ em.

(5) Nâng cao trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người đứng đầu; chú trọng phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình.

(6) Phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cộng đồng.

(7) Thực hiện trách nhiệm nêu gương trong phòng, chống bạo lực gia đình đối với cán bộ, công chức, viên chức và người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

1.6. Các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 5)

Luật năm 2022 quy định 07 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống bạo lực gia đình, gồm:

- (1) Hành vi bạo lực gia đình.
- (2) Kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, giúp sức, cưỡng ép người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.
- (3) Sử dụng, truyền bá thông tin, tài liệu, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động bạo lực gia đình.
- (4) Trả thù, đe dọa trả thù người giúp đỡ người bị bạo lực gia đình, người phát hiện, báo tin, tố giác, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình.
- (5) Cản trở việc phát hiện, báo tin, tố giác, ngăn chặn và xử lý hành vi bạo lực gia đình.
- (6) Lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để thực hiện hành vi trái pháp luật.
- (7) Dung túng, bao che, không xử lý, xử lý không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi bạo lực gia đình.

1.7. Chính sách của Nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 6)

Luật năm 2022 quy định các chính sách của Nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình, gồm:

- (1) Nhà nước bố trí ngân sách để thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống bạo lực gia đình; ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- (2) Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân viện trợ, tài trợ, tặng cho, đóng góp, hỗ trợ, ủng hộ, đầu tư kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất, nhu yếu phẩm cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình; hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình; phát triển các mô hình tư vấn xây dựng gia đình hạnh phúc, phòng ngừa bạo lực gia đình và hỗ trợ người bị bạo lực gia đình; phát triển mạng lưới cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng.
- (3) Khuyến khích sáng tác văn học, nghệ thuật về phòng, chống bạo lực gia đình; ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong phòng, chống bạo lực gia đình.
- (4) Biểu dương, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phòng, chống bạo lực gia đình; có chế độ hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức

khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình.

(5) Hỗ trợ việc bồi dưỡng nâng cao năng lực đối với người làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

1.8. Thúc đẩy hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 7)

Luật năm 2022 bổ sung quy định về Thúc đẩy hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, theo đó, Thúc đẩy hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình được tổ chức vào tháng 6 hằng năm để thúc đẩy hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình và tôn vinh giá trị gia đình.

1.9. Quyền và trách nhiệm của người bị bạo lực gia đình (Điều 9)

a) Quyền của người bị bạo lực gia đình:

Người bị bạo lực gia đình có các quyền sau đây:

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác có liên quan đến hành vi bạo lực gia đình;

- Yêu cầu cơ quan, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ theo quy định;

- Được bố trí nơi tạm lánh, giữ bí mật về nơi tạm lánh và thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình theo quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Được cung cấp dịch vụ y tế, tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với bạo lực gia đình, trợ giúp pháp lý và trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật;

- Yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường tổn hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và thiệt hại về tài sản;

- Được thông tin về quyền và nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình, xử lý hành vi bạo lực gia đình;

- Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình;

- Quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình.

So với Luật năm 2007, Luật năm 2022 đã bổ sung 03 quyền của người bị bạo lực gia đình, gồm: (1) Yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường tổn hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và thiệt hại về tài sản; (2) Được thông tin về quyền và nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình, xử lý hành vi

bạo lực gia đình; (3) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến hành vi bạo lực gia đình

Luật năm 2022 quy định: Người bị bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin liên quan đến hành vi bạo lực gia đình khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

So với Luật năm 2007, Luật năm 2022 đã bổ sung người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến bạo lực gia đình (*Luật năm 2007 quy định chỉ có nạn nhân bạo lực gia đình có nghĩa vụ cung cấp*).

1.10. Trách nhiệm của người có hành vi bạo lực gia đình (Điều 10)

- Người có hành vi bạo lực gia đình có trách nhiệm sau đây:

+ Chấm dứt hành vi bạo lực gia đình;

+ Chấp hành yêu cầu, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi áp dụng biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình;

+ Kịp thời đưa người bị bạo lực gia đình đi cấp cứu, điều trị. Chăm sóc người bị bạo lực gia đình, trừ trường hợp người bị bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình từ chối;

+ Bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do mình gây ra cho người bị bạo lực gia đình, người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình và tổ chức, cá nhân khác.

- Luật năm 2022 bổ sung quy định: Người có hành vi bạo lực gia đình là người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình thì không được thực hiện quyền của người giám hộ, người đại diện theo pháp luật quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đối với vụ việc bạo lực gia đình do mình thực hiện.

1.11. Trách nhiệm của thành viên gia đình trong phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 11)

Thành viên gia đình có trách nhiệm sau:

(1) Giáo dục, nhắc nhở thành viên gia đình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới và quy định khác của pháp luật có liên quan.

(2) Hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình; yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình chấm dứt ngay hành vi bạo lực gia đình; tham gia chăm sóc người bị bạo lực gia đình.

(3) Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư trong phòng, chống bạo lực gia đình.

(4) Thực hiện các biện pháp trong phòng, chống bạo lực gia đình.

1.12. Quyền và trách nhiệm của cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 12)

- Luật năm 2012 quy định, cá nhân được khen thưởng khi có thành tích trong phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; được bảo vệ, giữ bí mật về thông tin cá nhân khi báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình; được Nhà nước hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản khi tham gia phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Chính phủ.

- Cá nhân khi phát hiện hành vi bạo lực gia đình có trách nhiệm sau đây:

+ Báo tin, tố giác ngay cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; cơ quan Công an, Đoàn Biên phòng gần nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; cơ sở giáo dục nơi người bị bạo lực gia đình là người học; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.

+ Tham gia bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình và các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng.

2. Phòng ngừa bạo lực gia đình

2.1. Mục đích, yêu cầu trong thông tin, truyền thông, giáo dục (Điều 13)

- Mục đích của thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng, chống bạo lực gia đình nhằm nâng cao nhận thức, định hướng hành vi ứng xử, góp phần xóa bỏ bạo lực gia đình.

- Việc thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng, chống bạo lực gia đình phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

+ Thường xuyên, chính xác, rõ ràng, đơn giản, thiết thực;

+ Phù hợp với trình độ, lứa tuổi, giới tính, truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, địa bàn; chú trọng đến trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc, người sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền

núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Chú trọng thay đổi hành vi của người có hành vi bạo lực gia đình, người thường xuyên có hành vi cổ xúy cho bạo lực, kỳ thị, phân biệt đối xử về giới, giới tính, định kiến giới;

+ Bình đẳng giới, bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín của người bị bạo lực gia đình và những người có liên quan;

+ Bảo đảm an toàn thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình.

2.2. Nội dung thông tin, truyền thông, giáo dục (Điều 14)

Nội dung thông tin, truyền thông, giáo dục, gồm:

(1) Chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

(2) Quyền con người, quyền công dân, bình đẳng giới trong gia đình.

(3) Truyền thống tốt đẹp của con người, gia đình Việt Nam; gương người tốt, việc tốt trong xây dựng gia đình hạnh phúc và phòng, chống bạo lực gia đình.

(4) Kiến thức về hôn nhân và gia đình; kỹ năng ứng xử trong gia đình; kỹ năng bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hành vi bạo lực gia đình.

(5) Kinh nghiệm phòng, chống bạo lực gia đình trong nước và quốc tế.

(6) Nội dung khác liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình.

So với Luật năm 2007, Luật năm 2022 đã bổ sung một số nội dung thông tin, truyền thông, giáo dục, như: (1) Quyền con người, quyền công dân, bình đẳng giới trong gia đình; (2) gương người tốt, việc tốt trong xây dựng gia đình hạnh phúc và phòng, chống bạo lực gia đình; (3) kỹ năng bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hành vi bạo lực gia đình...

2.3. Hình thức thông tin, truyền thông, giáo dục (Điều 15)

Thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng, chống bạo lực gia đình được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

(1) Hội nghị, hội thảo, tập huấn, nói chuyện chuyên đề; phổ biến pháp luật trực tiếp;

(2) Phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động;

(3) Lồng ghép trong chương trình và hoạt động tại cơ sở giáo dục;

(4) Tổ chức cuộc thi, chiến dịch truyền thông;

(5) Lồng ghép trong hoạt động văn học, nghệ thuật, thể thao, sinh hoạt đoàn thể, cộng đồng dân cư; mô hình phòng, chống bạo lực gia đình;

(6) Hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

So với Luật năm 2007, Luật năm 2022 đã bổ sung một số hình thức thông tin, truyền thông, giáo dục, gồm: (1) Hội nghị, hội thảo, tập huấn, nói chuyện chuyên đề; (2) Tổ chức cuộc thi, chiến dịch truyền thông; (3) Hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4. Tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 16)

- Nội dung tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình bao gồm:

+ Thông tin, kiến thức, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, giới, bình đẳng giới và quy định của pháp luật có liên quan; quyền và trách nhiệm của người bị bạo lực gia đình, thành viên khác trong gia đình;

+ Kỹ năng ứng xử trong gia đình, tổ chức đời sống gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc, xử lý khi xảy ra hành vi bạo lực gia đình, chăm sóc người bị bạo lực gia đình.

- Việc tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình tập trung vào các đối tượng sau đây: (1) Người bị bạo lực gia đình; (2) Người có hành vi bạo lực gia đình; (3) Trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc; người sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; (4) Người thường xuyên có hành vi cổ xúy cho bạo lực, kỳ thị, phân biệt đối xử về giới, giới tính, định kiến giới; (5) Người chuẩn bị kết hôn.

- Ủy ban nhân dân các cấp chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác hướng dẫn, tạo điều kiện cho hoạt động tư vấn; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình cho người thực hiện tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình ở cơ sở.

2.5. Hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 17)

- *Khái niệm:* Hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình là việc người tiến hành hòa giải hướng dẫn các bên tự nguyện giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình để không làm phát sinh, tái diễn hành vi bạo lực gia đình. Hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình không thay thế biện pháp xử lý người có hành vi bạo lực gia đình.

- *Nguyên tắc:* Việc hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây: (1) Chủ động, kịp thời, kiên trì; (2) Tôn trọng sự tự nguyện của các bên và an toàn của người bị bạo lực gia đình; (3) Khách quan, bình đẳng, có lý, có tình, phù hợp với quy định của pháp luật và truyền

thông tốt đẹp của dân tộc Việt Nam; (4) Bảo đảm bí mật thông tin về đời sống riêng tư của các thành viên gia đình được hòa giải; (5) Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng.

2.6. Chủ thể tiến hành hòa giải (Điều 18)

- Thành viên gia đình, dòng họ có trách nhiệm hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp nhằm phòng ngừa hành vi bạo lực gia đình phát sinh hoặc tái diễn.

Trong trường hợp cần thiết có thể mời chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng dân cư, người thân, người trong cơ quan, tổ chức của chủ thể có mâu thuẫn, tranh chấp và người được đào tạo hoặc có kinh nghiệm về công tác xã hội, tâm lý học, người có kinh nghiệm trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình tham gia hòa giải.

- Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa người thuộc cơ quan, tổ chức đó với thành viên gia đình của họ khi có đề nghị của thành viên gia đình; trường hợp cần thiết thì phối hợp với cơ quan, tổ chức ở địa phương để hòa giải.

- Tổ hòa giải ở cơ sở có trách nhiệm hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp và vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở.

- Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức, cá nhân khác hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình cho hòa giải viên của Tổ hòa giải ở cơ sở.

3. Tin báo và xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình

3.1. Báo tin, tố giác về hành vi bạo lực gia đình (Điều 19)

- Địa chỉ tiếp nhận tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình bao gồm: (1) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; (2) Cơ quan Công an, Đoàn Biên phòng gần nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; (3) Cơ sở giáo dục nơi người bị bạo lực gia đình là người học; (4) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; (5) Người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; (6) Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.

So với Luật năm 2022, Luật năm 2022 đã bổ sung **03** địa chỉ tiếp nhận tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình, gồm: (1) Cơ sở giáo dục nơi người bị bạo lực gia đình là người học; (2) người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; (3) Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Việc báo tin, tố giác về hành vi bạo lực gia đình đến địa chỉ nêu trên thực hiện theo các hình thức sau đây: (1) Gọi điện, nhắn tin; (2) Gửi đơn, thư; (3) Trực tiếp báo tin.

- Chính phủ quy định về tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình để tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình.

3.2. Xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình (Điều 20)

Luật năm 2022 quy định:

- Cơ quan Công an, Đoàn Biên phòng gần nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình khi nhận tin báo, tố giác thì trong phạm vi quyền hạn của mình phải kịp thời ngăn chặn, xử lý hành vi bạo lực gia đình theo thẩm quyền; đồng thời, thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình.

- Tổ chức, cá nhân khi nhận tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình phải thông báo ngay cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình và theo khả năng của mình tham gia ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xử lý hoặc phân công xử lý ngay khi tiếp nhận tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình hoặc nhận được báo cáo về hành vi bạo lực gia đình của tổ chức, cá nhân.

Trường hợp tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình mà người bị bạo lực là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc hoặc hành vi bạo lực gia đình đã hoặc có khả năng gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người bị bạo lực thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công Công an xã, phường, thị trấn xử lý.

- Trường hợp tin báo, tố giác về tội phạm thì việc tiếp nhận và xử lý tin báo, tố giác được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

- Quy trình tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3.3. Sử dụng âm thanh, hình ảnh về hành vi bạo lực gia đình (Điều 21)

Đây là quy định mới được bổ sung trong Luật năm 2022, theo đó, người có âm thanh, hình ảnh về hành vi bạo lực gia đình có quyền cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết vụ việc bạo lực gia đình. Việc sử dụng âm thanh, hình ảnh về hành vi bạo lực gia đình trong quá trình giải quyết vụ việc bạo lực gia đình và đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng, internet phải được sự đồng ý của người bị bạo lực gia đình hoặc người giám hộ,

người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình; bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình, người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình

4.1. Biện pháp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình và bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình (Điều 22)

Biện pháp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình và bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình bao gồm: (1) Buộc chấm dứt hành vi bạo lực gia đình; (2) Yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; (3) Cấm tiếp xúc; (4) Bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu; (5) Chăm sóc, điều trị người bị bạo lực gia đình; (6) Trợ giúp pháp lý và tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với hành vi bạo lực gia đình; (7) Giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình; (8) Góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư; (9) Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng; (10) Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ người bị hại theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự đối với người có hành vi bạo lực gia đình.

So với Luật năm 2007, Luật năm 2022 đã bổ sung **06** biện pháp ngăn chặn, gồm: (1) Yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình; (2) Bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu; (3) Trợ giúp pháp lý và tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với hành vi bạo lực gia đình; (4) Giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình; (5) Góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư; (6) Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng.

4.2. Buộc chấm dứt hành vi bạo lực gia đình (Điều 23)

- Người có thẩm quyền giải quyết vụ việc bạo lực gia đình được áp dụng ngay các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để chấm dứt hành vi bạo lực gia đình.

- Người có mặt tại nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình theo khả năng của mình và tính chất của hành vi bạo lực gia đình có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình chấm dứt ngay hành vi bạo lực gia đình.

4.3. Yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình (Điều 24)

Luật năm 2023 bổ sung quy định mới về yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình, như sau:

- Khi được phân công giải quyết vụ việc, Trưởng Công an xã có quyền yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình để làm rõ thông tin, giải quyết vụ việc trong các trường hợp sau đây:

+ Người bị bạo lực gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc;

+ Khi có căn cứ cho rằng hành vi bạo lực gia đình đã hoặc có thể tiếp tục gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người bị bạo lực gia đình.

- Việc yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã phải được lập biên bản và có người trong cộng đồng dân cư chứng kiến.

- Trường hợp người có hành vi bạo lực gia đình không chấp hành yêu cầu thì Công an xã được sử dụng công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật để đưa người có hành vi bạo lực gia đình đến trụ sở Công an xã.

4.4. Cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Điều 25)

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc mỗi lần không quá 03 ngày trong các trường hợp sau đây:

+ Có đề nghị của người bị bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đối với hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của người bị bạo lực gia đình.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đề nghị thì phải được sự đồng ý của người bị bạo lực gia đình hoặc người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình;

+ Hành vi bạo lực gia đình đe dọa tính mạng của người bị bạo lực gia đình.

- Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị của người bị bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc; trường hợp không ra quyết định thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức, người đề nghị biết.

- Quyết định cấm tiếp xúc có hiệu lực ngay sau khi ký ban hành và được gửi cho người có hành vi bạo lực gia đình, người bị bạo lực gia đình, Trưởng Công an xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nơi cư trú của người bị bạo lực gia đình.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định cấm tiếp xúc có thẩm quyền hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc. Việc hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc thực hiện trong trường hợp sau đây:

+ Có yêu cầu của người đề nghị ra quyết định cấm tiếp xúc;

+ Người bị bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình không đồng ý với quyết định cấm tiếp xúc;

+ Khi xét thấy biện pháp này không còn cần thiết.

- Khi áp dụng quyết định cấm tiếp xúc, người bị bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình được quyền lựa chọn chỗ ở trong thời gian cấm tiếp xúc.

- Trường hợp người có hành vi bạo lực gia đình vi phạm quyết định cấm tiếp xúc thì bị áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính để ngăn chặn bạo lực gia đình theo quy định của Chính phủ.

- Trường hợp gia đình có việc cưới, việc tang hoặc trường hợp đặc biệt khác mà người có hành vi bạo lực gia đình cần tiếp xúc với người bị bạo lực gia đình thì người có hành vi bạo lực gia đình phải thông báo với người được phân công giám sát việc thực hiện cấm tiếp xúc và cam kết không để xảy ra hành vi bạo lực gia đình.

4.5. Cấm tiếp xúc theo quyết định của Tòa án (Điều 26)

- Tòa án nhân dân đang thụ lý hoặc giải quyết vụ án dân sự giữa người bị bạo lực gia đình và người có hành vi bạo lực gia đình quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc trong thời gian không quá 04 tháng khi có đủ các điều kiện sau đây:

+ Hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của người bị bạo lực gia đình;

+ Có đơn yêu cầu của người bị bạo lực gia đình hoặc người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có đơn yêu cầu thì phải được sự đồng ý của người bị bạo lực gia đình hoặc người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình.

- Tòa án nhân dân đang thụ lý hoặc giải quyết vụ án dân sự giữa người bị bạo lực gia đình và người có hành vi bạo lực gia đình tự mình ra quyết định cấm tiếp xúc trong thời gian không quá 04 tháng khi cần bảo vệ tính mạng của người bị bạo lực gia đình.

- Quyết định cấm tiếp xúc có hiệu lực ngay sau khi ký ban hành và được gửi cho người có hành vi bạo lực gia đình, người bị bạo lực gia đình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Công an xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nơi cư trú của người bị bạo lực gia đình và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

- Tòa án ra quyết định cấm tiếp xúc hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc khi có đơn yêu cầu của người bị bạo lực gia đình hoặc người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc khi xét thấy biện pháp này không còn cần thiết.

- Trường hợp gia đình có việc cưới, việc tang hoặc trường hợp đặc biệt khác mà người có hành vi bạo lực gia đình cần tiếp xúc với người bị bạo lực gia đình thì người có hành vi bạo lực gia đình phải thông báo với người được phân công giám sát việc thực hiện cấm tiếp xúc và cam kết không để xảy ra hành vi bạo lực gia đình.

4.6. Giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc (Điều 27)

- Khi nhận được quyết định cấm tiếp xúc, Công an xã chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và tổ chức có liên quan ở cơ sở để giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc và phân công người giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc.

- Người được phân công giám sát có nhiệm vụ theo dõi việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc. Khi phát hiện người có hành vi bạo lực gia đình vi phạm quyết định cấm tiếp xúc, người được phân công giám sát có quyền yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình thực hiện nghiêm quyết định cấm tiếp xúc; trường hợp tiếp tục vi phạm thì báo cho Trưởng Công an xã xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp người có hành vi bạo lực gia đình được tiếp xúc với người bị bạo lực gia đình thì thành viên khác của gia đình có trách nhiệm giám sát để bảo đảm không xảy ra hành vi bạo lực gia đình.

4.7. Bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu (Điều 28)

- Người bị bạo lực gia đình được bố trí nơi tạm lánh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc do cơ quan, tổ chức, cá nhân tự nguyện hỗ trợ.

- Người bị bạo lực gia đình được hỗ trợ nhu cầu thiết yếu theo quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội.

4.8. Chăm sóc, điều trị người bị bạo lực gia đình (Điều 29)

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm sau đây:

+ Tiếp nhận, sàng lọc, phân loại, chăm sóc, điều trị người bệnh là người bị bạo lực gia đình;

+ Cung cấp thông tin về tình trạng tổn hại sức khỏe của người bị bạo lực gia đình theo đề nghị của người đó hoặc của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

- Nhân viên y tế trong quá trình chăm sóc, điều trị người bệnh, nếu phát hiện người bệnh có dấu hiệu bị bạo lực gia đình có trách nhiệm báo cáo ngay cho người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm chăm sóc người bị bạo lực gia đình.

- Người đứng đầu cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình có trách nhiệm thông báo cho Công an xã nơi đặt cơ sở về trường hợp người được chăm sóc, điều trị có dấu hiệu bị bạo lực gia đình để bảo vệ, xử lý theo quy định của pháp luật.

4.9. Trợ giúp pháp lý và tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với bạo lực gia đình (Điều 30)

- Người bị bạo lực gia đình được Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

- Người bị bạo lực gia đình được cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý, kỹ năng để ứng phó với bạo lực gia đình theo quy định của Chính phủ.

- Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn miễn phí cho người bị bạo lực gia đình.

4.10. Giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình (Điều 31)

- Người có hành vi bạo lực gia đình được giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình; tham gia dịch vụ giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình do cơ sở phòng, chống bạo lực gia đình cung cấp.

- Nội dung giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình bao gồm: (1) Chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình và biện pháp xử lý người có hành vi bạo lực gia đình; (2) Nhận diện các hành vi bạo lực gia đình và trách nhiệm của người có hành vi bạo lực gia đình; (3) Kỹ năng ứng xử, phòng ngừa, xử lý mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình; (4) Kiến thức và kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực gia đình; giải tỏa áp lực, căng thẳng; (5) Các nội dung khác.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định và tổ chức thực hiện việc giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình đối với người có hành vi bạo lực gia đình nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4.11. Góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư (Điều 32)

- Biện pháp góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư được thực hiện đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên trong các trường hợp sau đây:

+ Có hành vi bạo lực gia đình từ 02 lần trở lên trong thời gian 12 tháng mà chưa đến mức bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

+ Có hành vi bạo lực gia đình đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình.

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư tổ chức việc góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư. Thành phần tham gia góp ý, phê bình bao gồm:

+ Người có hành vi bạo lực gia đình;

+ Đại diện gia đình;

+ Đại diện Công an xã;

+ Đại diện tổ chức chính trị - xã hội cấp xã nơi người có hành vi bạo lực gia đình hoặc người bị bạo lực gia đình cư trú là thành viên;

+ Thành phần khác do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mời.

- Nội dung góp ý, phê bình bao gồm:

+ Góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình;

+ Cung cấp các quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình;

+ Yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình cam kết không tái diễn hành vi bạo lực gia đình.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người có hành vi bạo lực gia đình cư trú quyết định và tổ chức thực hiện biện pháp góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư trên cơ sở đề xuất của người được phân công xử lý hành vi bạo lực gia đình.

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người có hành vi bạo lực gia đình cư trú có trách nhiệm tạo điều kiện cho Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức việc góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư.

- Trường hợp người có hành vi bạo lực gia đình tự nguyện thực hiện công việc phục vụ cộng đồng thì không áp dụng biện pháp góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư.

4.12. Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng (Điều 33)

Luật năm 2022 bổ sung biện pháp “*Thực hiện công việc phục vụ cộng đồng*”, như sau:

- Công việc phục vụ cộng đồng là công việc có quy mô nhỏ trực tiếp phục vụ cho lợi ích của cộng đồng nơi người có hành vi bạo lực gia đình cư trú, bao gồm:

+ Tham gia trồng, chăm sóc cây xanh ở khu vực công cộng; sửa chữa, làm sạch đường làng, ngõ xóm, đường phố, ngõ phố, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng hoặc công trình công cộng khác;

+ Tham gia công việc khác nhằm cải thiện môi trường sống và cảnh quan của cộng đồng.

- Danh mục công việc phục vụ cộng đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận trên cơ sở thảo luận, quyết định của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người có hành vi bạo lực gia đình cư trú quyết định và tổ chức cho người có hành vi bạo lực gia đình thực hiện công việc phục vụ cộng đồng.

4.13. Bảo vệ người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình và người báo tin, tố giác về bạo lực gia đình (Điều 34)

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức các biện pháp bảo vệ người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình, người báo tin, tố giác về bạo lực gia đình.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được tin báo, tố giác hành vi bạo lực gia đình có trách nhiệm bảo vệ bí mật thông tin cá nhân của người báo tin, tố giác.

5. Cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

5.1. Cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 35)

- Cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện việc chăm sóc, tư vấn, bố trí nơi tạm lánh, hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho người bị bạo lực gia đình và trẻ em mà người bị bạo lực gia đình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng; giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình.

- Cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình bao gồm: (1) Địa chỉ tin cậy; (2) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; (3) Cơ sở trợ giúp xã hội; (4) Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý; (5) Cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; (6) Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

So với Luật năm 2007, Luật năm 2022 đã bổ sung 02 cơ sở trợ giúp, gồm: (1) Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý; (2) Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

5.2. Địa chỉ tin cậy (Điều 36)

- Địa chỉ tin cậy là tổ chức, cá nhân có uy tín, khả năng và tự nguyện giúp đỡ người bị bạo lực gia đình.

- Tổ chức, cá nhân có uy tín, khả năng và tự nguyện giúp đỡ người bị bạo lực gia đình thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã về việc nhận làm địa chỉ tin cậy. Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách và công bố địa chỉ tin cậy trong địa bàn quản lý; hướng dẫn, tổ chức việc tập huấn cho địa chỉ tin cậy về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Khi tiếp nhận người bị bạo lực gia đình, địa chỉ tin cậy phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bảo vệ và hỗ trợ kinh phí cho địa chỉ tin cậy theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội có trách nhiệm tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân tham gia làm địa chỉ tin cậy ở cộng đồng dân cư.

5.3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Điều 37)

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện việc chăm sóc, điều trị cho người bệnh là người bị bạo lực gia đình.

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập, tùy theo điều kiện thực tế bố trí nơi tạm lánh cho người bệnh là người bị bạo lực gia đình trong thời gian không quá 01 ngày theo yêu cầu của người bị bạo lực gia đình.

5.4. Cơ sở trợ giúp xã hội, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý (Điều 38)

- Cơ sở trợ giúp xã hội thực hiện việc chăm sóc và hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho người bị bạo lực gia đình trong thời gian người bị bạo lực gia đình lưu trú tại cơ sở theo quy định của pháp luật.

- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý cho người bị bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

5.5. Cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 39)

- Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

- Cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình đăng ký về nội dung, phạm vi hoạt động với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5.6. Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 40)

- Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình do cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập theo quy định của pháp luật, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận để cung cấp một hoặc một số dịch vụ, hoạt động sau đây: (1) Tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; (2) Nơi tạm lánh và nhu cầu thiết yếu khác cho người bị bạo lực gia đình; (3) Giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình; (4) Chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa bệnh lý về tâm thần cho người bị bạo lực gia đình; (5) Hoạt động khác liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình.

- Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Người đứng đầu cơ sở có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có trình độ từ đại học trở lên, chuyên ngành đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi bạo lực gia đình;

+ Nhân viên trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình phải tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, đã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức hoặc cơ sở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức;

+ Trường hợp cơ sở cung cấp nơi tạm lánh cho người bị bạo lực gia đình hoặc cung cấp dịch vụ giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi phải có cơ sở vật chất và địa điểm bảo đảm yêu cầu.

- Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình đăng ký nội dung, phạm vi hoạt động với cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất để thực hiện dịch vụ, hoạt động cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình được ưu đãi thuế, phí, tín dụng và ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

6. Xử lý vi phạm hành chính về phòng, chống bạo lực gia đình

Luật năm 2022 quy định:

- Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp người bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình là cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân thì người ra quyết định xử phạt có trách nhiệm thông báo cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người đó.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 135 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc Tòa án tự mình ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Luật năm 2022 đã sửa đổi, bổ sung Điều 135 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019 và năm 2020), theo đó bổ sung quy định Tòa án được tự mình ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Cấm tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình*” trong trường hợp đương sự không yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (theo quy định của Luật hiện hành, Tòa án chỉ ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Cấm tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình*” khi có yêu cầu của đương sự).

8. Hiệu lực thi hành

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng TU, VP TU;
- UBKT Tỉnh uỷ;
- Các Ban của HĐND tỉnh, VPHĐND tỉnh;
- UBMTTQ& TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các DNNN thuộc tỉnh quản lý;
- Các DNNN trung ương đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT STP, PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Lưu: XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền)

để
tuyên
truyền

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG